



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Đơn vị tổ chức đào tạo: Khoa Truyền thông và Văn hóa đối ngoại

Phòng D601-D607, Email: khoatruyenthongquocte@dav.edu.vn

❖ Mục tiêu:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông quốc tế là chương trình có định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội về lĩnh vực truyền thông quốc tế, có khả năng sử dụng thành thạo các phương tiện công nghệ truyền thông hiện đại, thể hiện được khả năng thích ứng và hội nhập quốc tế trong thời đại mới.

Mục tiêu của chương trình nhằm đào tạo cử nhân ngành Truyền thông quốc tế có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và an ninh quốc phòng; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và kinh nghiệm thực tiễn về truyền thông quốc tế và văn hóa đối ngoại; có kỹ năng nghiệp vụ để làm việc hiệu quả và sáng tạo trong lĩnh vực truyền thông quốc tế; có khả năng tự nghiên cứu để nâng cao trình độ; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; thông thạo ít nhất 01 ngoại ngữ để làm việc trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế; có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức về truyền thông quốc tế và văn hoá đối ngoại; có phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm với xã hội.

❖ Chuẩn đầu ra:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Truyền thông quốc tế, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:



STT	Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
2.1 KIẾN THỨC			
1	PL01	Giải thích được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, về hệ thống chính trị, bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội tại Việt Nam và các nước trên thế giới, về quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, hệ thống chính sách, pháp luật và an ninh quốc phòng của nhà nước Việt Nam.	2/6
2	PL02	Giải thích được kiến thức nền tảng về quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, luật quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu của các vị trí công việc ngành truyền thông quốc tế.	2/6
3	PL03	Vận dụng được các kiến thức lý thuyết sâu và lý thuyết thực tiễn về truyền thông quốc tế gồm hệ thống lý thuyết truyền thông, các phương pháp nghiên cứu truyền thông, mô hình triển khai truyền thông và quy tắc sản xuất sản phẩm truyền thông; các kiến thức về văn hóa và ngoại giao văn hóa trong các hoạt động chuyên môn của ngành truyền thông quốc tế.	3/6
4	PL04	Phân tích được các nội dung chuyên môn liên quan đến định hướng chuyên ngành sâu được đào tạo (truyền thông quốc tế chuyên nghiệp hoặc truyền thông marketing quốc tế)	4/6
2.1 KỸ NĂNG			
5	PL05	Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin nhằm triển khai các hoạt động truyền thông quốc tế như xây dựng đề án chiến lược truyền thông, sản xuất sản phẩm truyền thông, nghiên cứu về truyền thông quốc tế và văn hoá đối ngoại.	3/5



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

6	PL06	Áp dụng hiệu quả và sáng tạo kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và đàm phán bằng tiếng Việt hoặc ngoại ngữ tùy vào tình huống công việc cụ thể.	3/5
7	PL07	Sản xuất thành thạo tin bài truyền thông quốc tế, tổ chức họp báo, gặp gỡ báo chí, tổ chức sự kiện, quảng bá và triển khai hoạt động truyền thông đối ngoại, văn hoá đối ngoại, và quan hệ công chúng.	5/5
8	PL08	Phối hợp được các kỹ năng nhận diện, phân tích và đề xuất phương hướng giải quyết các vấn đề về truyền thông quốc tế và văn hóa đối ngoại; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	4/5
9	PL09	Xây dựng kế hoạch truyền thông và triển khai các hoạt động truyền thông như truyền thông marketing, quan hệ công chúng, truyền thông đối ngoại và truyền thông văn hoá - xã hội về các vấn đề toàn cầu.	5/5
10	PL010	Sử dụng thành thạo ít nhất 1 ngoại ngữ (tương đương trình độ B2, Khung tham chiếu châu Âu hoặc một chuẩn quốc tế khác tương đương) để giao tiếp hiệu quả đồng thời có khả năng đọc, dịch, tổng hợp thông tin, viết báo cáo hay trình bày về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực truyền thông, marketing, văn hóa đối ngoại bằng ngoại ngữ.	4/5
11	PL011	Sử dụng thành thạo các thiết bị kỹ thuật số cơ bản như: máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại thông minh, thiết bị di động... và các ứng dụng biên tập nội dung số như: Adobe Photoshop, Adobe Premiere; ứng dụng trong sáng tạo thông điệp, sản phẩm truyền thông, ngoại giao số. Bên cạnh đó, nắm vững các kỹ năng cơ bản về tin học văn phòng (MS Office: Word, Excel, PowerPoint; bộ Office 365).	4/5



2.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

12	PL012	Có tinh thần đổi mới sáng tạo, có trách nhiệm với nghề nghiệp, sẵn sàng thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa.	4/5
13	PL013	Có ý thức và khả năng tự học để phát triển năng lực chuyên môn; có khả năng hòa nhập và phát huy trí tuệ tập thể.	4/5
14	PL014	Trung thành với lợi ích quốc gia – dân tộc; Tôn trọng và chấp hành pháp luật và quy tắc đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội và tinh thần phụng sự.	5/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)

❖ CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CTĐT:

ST T	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	15	15	0
2	Khối kiến thức ngoại ngữ	24	15	09
3	Khối kiến thức bổ trợ	09	0	09
4	Khối kiến thức chuyên nghiệp	60	28	32
4.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	04	04	0
4.2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	0



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

4.3	<i>Kỹ năng tự chọn</i>	02	0	02
4.4	<i>Kiến thức chuyên ngành chung</i>	15	06	09
	<i>Kiến thức chuyên ngành theo định hướng chuyên sâu</i>	21	0	21
5	Hướng nghiệp và thực tập	07	07	0
6	Tốt nghiệp	10	10	0
	Tổng	125	75	50

1. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 15 TÍN CHỈ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Triết học Mác – Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật đại cương	IL.003.02	02	Tiếng Việt
7	Kỹ thuật công nghệ truyền thông	IC.041.02	02	Tiếng Việt



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

8	<i>Giáo dục thể chất*</i>	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh*</i>	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

() Không bao gồm số TC học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh.*

1.2. Khối kiến thức ngoại ngữ: 24 tín chỉ

Sinh viên được học theo trình độ phù hợp (sơ cấp, trung cấp hoặc nâng cao) và được lựa chọn (có điều kiện)(*) học 01 ngoại ngữ (ngoại ngữ 1: 24 tín chỉ) hoặc 02 ngoại ngữ (ngoại ngữ 1: 15 tín chỉ và ngoại ngữ 2: 09 tín chỉ)

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngoại ngữ 1	24 hoặc 15	Ngoại ngữ 1
2	Ngoại ngữ 2*	0 hoặc 09	Ngoại ngữ 2

- Đối với NN1, sinh viên lựa chọn học 01 trong 05 ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn. Đối với NN2, sinh viên có thể lựa chọn 01 trong các ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức.
- (*) Chỉ sinh viên có trình độ ngoại ngữ chính (NN1) từ trung cấp trở lên mới được lựa chọn học thêm ngoại ngữ thứ 2. Sinh viên có trình độ sơ cấp phải học đủ 24 tín chỉ ngoại ngữ 1.

1.3. Khối kiến thức bổ trợ: 09 tín chỉ

Sinh viên chọn 03 học phần trong số các học phần sau của Khối kiến thức bổ trợ. Các học phần bổ trợ được lựa chọn và đăng ký theo hình thức tín chỉ và phải hoàn thành trước khi kết thúc học kỳ VIII.



STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Chính sách đối ngoại Việt Nam	IR.046.03	03	Tiếng Việt
2	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.03	03	Tiếng Việt
3	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	Tiếng Việt
4	Đàm phán quốc tế	IR.026.03	03	Tiếng Việt
5	Kinh doanh quốc tế	IE.042.03	03	Tiếng Việt
6	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.02	03	Tiếng Việt
7	Công pháp quốc tế	IL.005.03	03	Tiếng Việt
8	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.003.03	03	Tiếng Việt

4. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 60 tín chỉ

4.1. Kiến thức cơ sở khối ngành: 04 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Văn hoá Việt Nam và Hội nhập quốc tế	IC.043.02	02	Tiếng Việt
2	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	02	Tiếng Việt



4.2. Kiến thức cơ sở ngành: 18 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Lý thuyết truyền thông	IC.008.03	03	Tiếng Việt
2	Đại cương quan hệ công chúng quốc tế	IC.043.03	03	Tiếng Việt
3	Đại cương truyền thông quốc tế	IC.061.03	03	Tiếng Việt
4	Phương pháp nghiên cứu truyền thông	IC.005.03	03	Tiếng Việt
5	Pháp luật và đạo đức truyền thông	IC.068.03	03	Tiếng Việt
6	Ngoại giao văn hóa	IC.010.03	03	Tiếng Việt

4.3. Kỹ năng tự chọn: 02 tín chỉ

Sinh viên lựa chọn 01 trong số 04 học phần sau đây:

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Kỹ năng thuyết trình	IC.049.02	02	Tiếng Việt
2	Kỹ năng dẫn chương trình	IC.042.02	02	Tiếng Việt
3	Kỹ năng chủ trì hội nghị	IC.071.02	02	Tiếng Anh
4	Kỹ năng đàm phán	IC.072.02	02	Tiếng Anh



4.4. Kiến thức chuyên ngành:

a. Kiến thức chuyên ngành chung: 15 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ				
1	Xây dựng chiến lược truyền thông	IC.044.03	03	Tiếng Việt
2	Sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế	IC.050.03	03	Tiếng Việt
Học phần tự chọn: 09 tín chỉ <i>Sinh viên lựa 03 học phần (09 tín chỉ) trong số các học phần sau:</i>				
1	Toàn cầu hóa và giao tiếp liên văn hóa	IC.047.03	03	Tiếng Việt
2	Truyền thông mạng xã hội	IC.019.03	03	Tiếng Việt
3	Truyền thông hội tụ và đa phương tiện	IC.051.03	03	Tiếng Việt
4	Quản trị tổ chức sự kiện	IC.046.03	03	Tiếng Việt
5	Quản trị khủng hoảng	IC.023.03	03	Tiếng Việt

b. Kiến thức chuyên ngành theo định hướng chuyên sâu: 21 tín chỉ

Sinh viên lựa chọn 01 trong 02 định hướng chuyên sâu: Truyền thông quốc tế chuyên nghiệp và Truyền thông marketing quốc tế.



(i) Định hướng Truyền thông quốc tế chuyên nghiệp

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
Học phần chuyên sâu bắt buộc: 12 tín chỉ				
1	Báo in và báo mạng - điện tử	IC.011.03	03	Tiếng Việt
2	Phát thanh và truyền hình	IC.012.03	03	Tiếng Việt
3	Truyền thông và phát triển xã hội	IC.017.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
4	Gây quỹ và vận động tài trợ	IC.052.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
Học phần chuyên sâu tự chọn: 09 tín chỉ <i>Sinh viên chọn 03 học phần (09 tín chỉ) trong số các học phần dưới đây:</i>				
1	Ngôn ngữ báo chí - truyền thông	IC.007.03	03	Tiếng Việt
2	Công chúng của truyền thông	IC.016.03	03	Tiếng Việt
3	Kỹ năng ngoại giao số	IC.034.03	03	Tiếng Việt
4	Văn hóa truyền thông đại chúng	IC.004.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
5	Tôn giáo và Quan hệ Quốc tế	IC.031.03	03	Tiếng Việt
6	Phân tích sự kiện quốc tế trên truyền thông	IC.045.03	03	Tiếng Việt



(ii) Định hướng Truyền thông Marketing quốc tế

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
Học phần chuyên sâu bắt buộc: 12 tín chỉ				
1	Truyền thông Marketing	MC.001.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
2	Marketing quốc tế	IE.021.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
3	Quảng cáo	MC.015.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
4	Hành vi người tiêu dùng	MC.013.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
Học phần chuyên sâu tự chọn: 09 tín chỉ Sinh viên chọn 03 học phần (09 tín chỉ) trong số các học phần dưới đây:				
1	Marketing số	MC.002.03	03	Tiếng Việt
2	Gây quỹ và vận động tài trợ	IC.052.03	03	Tiếng Việt



3	Xây dựng thương hiệu	IC.024.03	03	Tiếng Việt
4	Kỹ năng viết cho quan hệ công chúng	IC.028.03	03	Tiếng Việt
5	Văn hoá doanh nghiệp	MC.014.03	03	Tiếng Việt
6	Dự án sản xuất TVC quảng cáo	MC.011.03	03	Tiếng Việt

4.5. Kiến thức hướng nghiệp và thực tập: 07 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Hướng nghiệp Báo chí - Truyền thông	IC.073.02	02	Tiếng Việt
2	Hướng nghiệp Truyền thông - Marketing	IC.074.02	02	Tiếng Việt
3	Thực tập cuối khóa	IC.038.03	03	Tiếng Việt



4.6. Tốt nghiệp: 10 tín chỉ

Tùy theo kết quả học tập, năng lực của sinh viên và điều kiện về giảng viên hướng dẫn, học phần tốt nghiệp sẽ được thực hiện theo một trong các hình thức dưới đây:

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Khóa luận/Bài báo quốc tế hoặc Bài tập dự án/ sản phẩm truyền thông	IC.037.10	10	Tiếng Việt hoặc Ngoại ngữ
2	Các học phần tốt nghiệp:			
	- Ứng dụng bản sắc văn hoá Việt Nam trong truyền thông quốc tế	IC.070.03	03	Tiếng Việt
	- Dự án Truyền thông quốc tế	IC.069.04	04	Tiếng Việt/ Tiếng Anh
	- Quản trị truyền thông nội bộ	MC.006.03	03	Tiếng Việt/ Tiếng Anh